| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc L - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2022/DS-PT
Ngày: 18/02/2022
*Về việc: "Kiện đòi nợ"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Th Ng

- *Các Thẩm phán:* 1. Bà Trần Thị Mỹ H

2. Ông Nguyễn Hữu H

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Nghệ An***: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2021/TLPT - DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Kiện đòi nợ do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 13/8/2021 của Toà án nhân dân C bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 141/2021/QĐPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách V.

Địa chỉ: số 169, phố V, phường V, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Lê L, Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C; Địa chỉ: Khối V, thị trấn C, huyện C, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang L, sinh năm 1967. Có mặt

Địa chỉ: xóm Yên Hòa, xã C, huyện C, tỉnh Nghệ An.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị Thanh H , sinh năm 1973. Có mặt.

Địa chỉ: xóm Yên Hòa, xã V, huyện V, tỉnh Nghệ An.

Người kháng cáo: 1. Ông Nguyễn Quang L – bị đơn.

2. Bà Bà Phan Thị Thanh H - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 05/10/2011, ông Nguyễn Quang L làm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho con gái Nguyễn Thị Ngọc Th đi học. Ngày 12/11/2011, Ngân hàng chính sách xã hội V đã đồng ý cho ông Nguyễn Quang L vay vốn và tiến hành giải ngân khoản vay chương trình học sinh sinh viên: 6000002800163085, ngày vay 12/11/2011 đến hạn là ngày 12/11/2018 và đã chuyển quá hạn ngày 12/11/2018. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/8/2021) vợ chồng ông L còn nợ tiền gốc là 31.000.000 đồng và nợ lãi là 22.733.000 đồng.

Ngày 15/10/2011, ông Nguyễn Quang L làm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho con gái Nguyễn Thị Thanh H đi học. Ngày 08/11/2011, Ngân hàng chính sách xã hội V đã đồng ý cho ông Nguyễn Quang L vay vốn và tiến hành giải ngân khoản vay chương trình học sinh sinh viên: 6000002800163086, ngày vay 08/12/2011 đến hạn là ngày 12/10/2018 và đã chuyển quá hạn ngày 12/10/2018. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/8/2021) vợ chồng ông L còn nợ tiền gốc là 21.000.000 đồng và nợ lãi là 14.779.000 đồng.

Ngày 22/01/2015, ông Nguyễn Quang L làm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường. Ngày 12/3/2011, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã đồng ý cho ông Nguyễn Quang L vay vốn và tiến hành giải ngân khoản vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường: 6600000703555348, ngày vay 12/3/2015 đến hạn là ngày 12/01/2021 và đã chuyển quá hạn ngày 12/11/2018. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (13/8/2021) vợ chồng ông L còn nợ tiền gốc là 12.000.000 đồng và nợ lãi là 4.626.000 đồng.

Do ông Nguyễn Quang L vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi các khoản vay đối với Ngân hàng chính sách xã hội V. Ngân hàng chính sách xã hội V đã nhiều lần đốc thúc ông Nguyễn Quang L trả nợ, ngày 12/10/2017, ông L đã làm giấy đề nghị gia hạn nợ, tuy nhiên hết thời gian gia hạn ông L vẫn không trả nợ gốc và nợ lãi theo cam kết.

Vì vậy, Ngân hàng chính sách xã hội V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Quang L và bà Phan Thị Thanh H trả nợ số tiền gốc và lãi còn thiếu của 03 chương trình vay vốn với tổng số tiền gốc là 64.000.000 đồng và tiền lãi của 03 hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm là 42.138.000đ, tổng cả tiền gốc và tiền lãi của 03 khoản vay là: 106.138.000 đồng. Vì các khoản vay này ông Nguyễn Quang L

đứng tên vay nhưng vay nhằm mục đích sinh hoạt cuộc sống của gia đình. Đồng thời đề nghị vợ chồng ông L bà H tiếp tục chịu tiền lãi của các khoản vay này cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn ông Nguyễn Quang L trình bày: Ông thừa nhận năm 2011, 2012 ông đã làm Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay theo chương trình cho vay học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn cho con gái Nguyễn Thị Ngọc Th và Nguyễn Thị Thanh H đi học, ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đã đồng ý cho vay và thực hiện việc giải ngân khoản vay trên. Năm 2015 ông đã làm thủ tục và được Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam cho vay và giải ngân khoản vay nước sạch và vệ sinh môi trường. Cả ba khoản vay trên đều đã quá hạn. Nay ngân hàng yêu cầu trả 03 khoản nợ này, ông đề nghị ngân hàng tiếp tục cho gia hạn các khoản vay này hoặc khoanh nợ do hiện nay gia đình ông gặp nhiều khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh H trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Quang L. Trong các năm 2011, 2012 và 2015, ông L có làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Thanh Chương để cho con đi học và làm chương trình nước sạch. Các khoản vay này được Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đồng ý cho vay và đã giải ngân; hiện các khoản vay này đã quá hạn, tuy nhiên số tiền nợ gốc còn lại bao nhiêu thì bà không biết. Trong gia đình, ông L là chủ, tự quyết định mọi chi tiêu trong gia đình, các khoản vay trên là để cho con đi học và làm chương trình nước sạch. Ngân hàng yêu cầu vợ chồng bà trả 03 khoản nợ này, bà nhất trí như ý kiến của ông L đối với yêu cầu của đại diện ngân hàng, do hiện nay hoàn cảnh gia đình bà có nhiều khó khăn, các con đang ăn học.

Tại bản án số 39/2021/DS-ST ngày 13/8/2021 của Toà án nhân dân huyện Thanh Chương đã quyết định: Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 121, 169, 255, 256, 281, 298, 305, 388, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang L và bà Phan Thị Thanh H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, số nợ của 03 khoản vay theo chương trình cho vay học sinh sinh viên ngày 12/11/2011; khoản vay ngày 15/10/2012 và khoản vay chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường ngày 22/01/2015, với tổng số tiền gốc của 03 khoản vay là 64.000.000 đồng (Sáu mươi tư triệu đồng) và tiền lãi của 03 khoản vay này tính đến ngày xét xử là

42.138.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng). Cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Quang L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 21.069.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Bà Phan Thị Thanh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 21.069.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất quá hạn đối với khoản tiền còn phải thi hành, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26 tháng 8 năm 2021, ông Nguyễn Quang L và bà Phan Thị Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, làm rõ vi phạm về việc giải ngân vay vốn ưu đãi đối với học sinh sinh viên của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, miễn án phí cho gia đình ông L, bà H và xem xét lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Quang L và bà Phan Thị Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận ông L đại diện cho bà H trình bày các nội dung, yêu cầu tại cấp phúc thẩm. Ông L và bà H rút một phần kháng cáo. Cụ thể, rút kháng cáo đối với nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, làm rõ vi phạm về việc giải ngân vay vốn ưu đãi đối với học sinh sinh viên của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, xem xét lại vụ án.

Ông L, bà H giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho gia đình ông, bà.

Nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa:

*Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng:* Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự, thủ tục tại phiên tòa.

*Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Các đương sự chấp hành đúng quy định tại các Điều 70,71 và Điều 249 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyền tranh tụng của các đương sự được đảm bảo.

*Về thủ tục kháng cáo:* Ông Nguyễn Quang L, bà Phan Thị Thanh H kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

*Về quan điểm giải quyết vụ án:* Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Quang L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông L, bà H đã rút một phần kháng cáo về nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, làm rõ vi phạm về việc giải ngân vay vốn ưu đãi đối với học sinh sinh viên của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, xem xét lại vụ án. Việc rút một phần kháng cáo của ông L, bà H là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo mà ông L, bà H đã rút.

Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí cho gia đình ông L, bà H: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của ông L, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Quang L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh H có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên xác định kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quang L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh H

[2.1] Kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, làm rõ vi phạm về việc giải ngân vay vốn ưu đãi đối với học sinh, sinh viên của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, xem xét lại bản án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông L, bà H đã rút một phần kháng cáo về nội dung: yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, làm rõ vi phạm về việc giải ngân vay vốn ưu đãi đối với học sinh sinh viên của Ngân hàng chính sách xã hội V, xem xét lại vụ án.

Xét thấy việc rút một phần kháng cáo của ông L, bà H là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các nội dung kháng cáo ông L, bà H đã rút, các phần quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 13/8/2021 của Toà án nhân dân huyện Thanh Chương có hiệu lực pháp luật kể từ ngày xét xử phúc thẩm.

[2.2] Kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét miễn án phí cho gia đình ông L, bà H:

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng với việc kháng cáo, ông L có đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét miễn án phí cho ông L, đồng thời xuất trình bản phô tô Quyết định số 935/QĐ-BTL ngày 24/6/2013 của Tư lệnh Quân khu IV về việc

thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xuất trình bản y sao bản chính Quyết định số 935 nêu trên. Xét ông L có thời gian tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ Quốc tế sau ngày 30/4/1975, hoàn thành nhiệm vụ phục viên, xuất ngũ trở về địa phương được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận. Do đó, có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo đề nghị miễn án phí của ông L. Bà H không thuộc trường hợp được miễn án phí nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đề nghị miễn án phí của bà H.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Phan Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông Nguyễn Quang L được chấp nhận một phần nên ông L không phải chịu án phí phúc thẩm; Kháng cáo của bà Phan Thị Thanh H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của ông L và bà H; sửa án sơ thẩm về phần án phí. Cụ thể:

1. Chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Quang L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thanh H, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với một phần kháng cáo của ông L và bà H, giữ nguyên các phần quyết định sau đây của bản án dân sự sơ thẩm số 39/2021/DS-ST ngày 13/8/2021 của Toà án nhân dân huyện Thanh Chương:

"*1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.*

*2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Quang L và bà Phan Thị Thanh H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, số nợ của 03 khoản vay theo chương trình cho vay học sinh sinh viên ngày 12/11/2011; khoản*

*vay ngày 15/10/2012 và khoản vay chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường ngày 22/01/2015, với tổng số tiền gốc của 03 khoản vay là 64.000.000 đồng (Sáu mươi tư triệu đồng) và tiền lãi của 03 khoản vay này tính đến ngày xét xử là 42.138.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng). Cụ thể như sau:*

*Ông Nguyễn Quang L có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, số tiền gốc là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 21.069.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng).*

*Bà Phan Thị Thanh H có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, số tiền gốc là 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng) và số tiền lãi tính đến ngày xét xử là 21.069.000 đồng (Hai mươi mốt triệu không trăm sáu mươi chín nghìn đồng)*".

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng vay các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Quang L; sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Quang L được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Bà Phan Thị Thanh H phải chịu 2.653.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông L 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nạp theo biên lai số 0004699 ngày 15/9/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Bà Phan Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nạp theo biên lai số 0004700 ngày 16/9/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Th Ng**

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Th Ngọc**